TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và ông Bùi Đăng Ban.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện P, tỉnh H.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST- KDTM ngày 28/02/2025 "Về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.
Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V.
Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V-Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H.
Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022.
Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1982- Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H-Phòng giao dịch Tam Đa-Có mặt.
Quyết định ủy quyền số 671/NHNo-PC/UQKK ngày 26/12/2024.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1959-Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: thôn N, xã N, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Theo hợp đồng tín dụng số 2411-LAV 201800120 ngày 22/01/2018, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/01/2018, thì ông S, bà H vay

của ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 24 tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 22/01/2018. Sau khi vay, bên vay chưa trả được số tiền nợ gốc nào, bên vay mới trả được 05 kỳ số tiền lãi trong hạn là 19.438.356 đồng. Đến hạn trả nợ, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy khoản vay của ông S, bà H đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 23/01/2019. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, công văn nhắc nợ đề nghị ông S, bà H trả nợ nhưng bên vay không thực hiện.

Cho đến nay, bên vay còn nợ ngân hàng các khoản như sau:

Nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2025 là 149.083.433 đồng.

Tổng cộng: 299.083.433 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H buộc ông S, bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi và các chi phí khác phát sinh kèm theo theo Hợp đồng tín dụng số 2411/LAV 201800120 ngày 22/01/2018, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/01/2018 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2025, gồm nợ gốc và nợ lãi, cụ thể như sau:

Nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Nợ lãi tạm tính đến ngày 31/5/2025 là 149.083.433 đồng.

Tổng cộng: 299.083.433 đồng.

Đồng thời yêu cầu bên vay phải tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 31/5/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được số tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông S trình bầy:

Ông S đã biết ngân hàng khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông, bà Tạ Thị H do sức khỏe yếu nên không đến Tòa án trình bầy được, ông S trình bầy và chịu trách nhiệm về việc trình bầy của mình. Về việc vay ngân hàng, ông S trình bầy như sau:

Ngày 22/01/2018, vợ chồng ông S vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H-Phòng giao dịch Tam Đa thể hiện tại Hợp đồng tín dụng ngày 22/01/2018 với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh và phục vụ đời sống gia đình. Lãi suất vay là 11%/năm, ngoài ra hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất trong hạn và quá hạn. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 22/01/2018. Vợ chồng ông S đã nhận được toàn bộ số tiền vay này. Sau khi vay, do khó khăn nên vợ chồng ông S chưa trả được số nợ này cho ngân hàng. Cho đến nay ông S vẫn nợ ngân hàng toàn bộ 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi của số tiền này từ tháng đó cho đến nay. Ông S đã được Tòa án thông báo về số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông S trả nợ, ông S nhất trí về số nợ gốc và lãi như ngân hàng đã tính toán, ông S nhất trí không thắc mắc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, quan điểm của ông S như sau:

Ông S khẳng định việc ngân hàng khởi kiện đòi số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi như ngân hàng tính toán là đúng. Vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ này nhưng do đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông S được trả dần số nợ gốc và cho vợ chồng ông S xin toàn bộ số nợ lãi.

Ông S đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng số 2411/LAV 201800120 ngày 22/01/2018, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/01/2018, Giấy ủy quyền ngày 19/01/2018, các biên bản đôn đốc trả nợ do ngân hàng cung cấp cho Tòa án, ông S khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay, bên được ủy quyền, bên khách hàng nhận nợ, đại diện khách hàng trong tất cả các văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của ông S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà H nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối bị đơn là ông Nguyễn Văn S và bà Tạ Thị H. Yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi và các chi phí khác phát sinh kèm theo theo Hợp đồng tín dụng số 2411/LAV 201800120 ngày 22/01/2018, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/01/2018 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2025, gồm nợ gốc và nợ lãi, cụ thể như sau:

Nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Nợ lãi tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 149.425.959 đồng.

Tổng cộng: 299.425.959 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được số tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý. Vì vậy

đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 280, 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng.

Buộc bên vay phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 1500.000.000 đồng và tiền lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 149.425.959 đồng, tổng số là 299.425.959 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà H là bị đơn nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chỉ có ông S có mặt còn bà H vắng mặt. Theo ông S, bà H đã nhận được Giấy triệu tập nhưng vắng mặt, ông S sẽ trình bầy cho cả bà H và chịu trách nhiệm về việc trình bầy của mình. Trước phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Theo hợp đồng tín dụng số 2411-LAV 201800120 ngày 22/01/2018, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 22/01/2018, thì ông S, bà H vay của ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 24 tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 22/01/2018. Sau khi vay, bên vay chưa trả được số tiền nợ gốc nào, bên vay mới trả được 05 kỳ số tiền lãi trong hạn là 19.438.356 đồng. Đến hạn trả nợ, bên vay đã không thực

hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy khoản vay của ông S, bà H đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 23/01/2019. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, công văn nhắc nợ đề nghị ông S, bà H trả nợ nhưng bên vay không thực hiện.

Cho đến nay, bên vay còn nợ ngân hàng các khoản như sau:

Nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Nợ lãi tạm tính đến ngày 24/6/2025(ngày xét xử sơ thẩm) là 149.425.959 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 299.425.959 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bên vay phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và yêu cầu bên vay phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ. Bên vay cũng xác định còn nợ số tiền nợ gốc, tiền lãi như ngân hàng tính toán và nhất trí trả nợ nhưng đề nghị ngân hàng cho trả dần số nợ gốc và xin toàn bộ số tiền lãi nhưng ngân hàng không chấp nhận.

[3]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký nhận, thực hiện và không có tranh chấp gì nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng cho bên vay vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích cho vay là để bên vay sản xuất kinh doanh. Số nợ gốc đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 23/01/2019 cho đến nay. Bên vay còn nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 24/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) tạm tính là 149.425.959 đồng. Ông S, bà H là người vay trong hợp đồng tín dụng nên ông S, bà H phải trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số nợ này.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 149.425.959 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông S, bà H phải trả cho nguyên đơn là: 299.425.959 đồng.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Tạ Thị H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng .

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2025) là 149.425.959 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông S, bà H phải trả cho nguyên đơn là: 299.425.959 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S, bà Tạ Thị H phải chịu 14.971.297 đồng (mười bốn triệu chín trăm bẩy mươi mốt nghìn hai trăm chín bẩy đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 7.111.969 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004552 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn